

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 24-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước.

Bà Lê Thị Hồng Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Danh Que Xa N, sinh năm 1993 – Chủ hộ kinh doanh T. Địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mai C, sinh năm 1997. Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 04 năm 2024 (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Diệp Hoàng N1, sinh năm 1963 (có mặt);

2. Bà Lâm Thị P, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 24 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh Trường H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mai C trình bày:

Trước đây 13/4/2019, Hộ kinh doanh T1 có thực hiện mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Diệp Hoàng N1 và bà Lâm Thị P thông qua lời nói không lập thành văn bản, sau đó đề cử cố hồ sơ hai bên đã ký hợp đồng mua bán ngày 11/3/2021 cũng với các điều khoản thỏa thuận của 2 bên. Bên cạnh đó giao dịch qua sổ giao nhận hàng mang tên “Cô P ATD”.

Thời điểm này ông Lê Văn T đang là chủ Hộ kinh doanh Trường H nhưng hiện tại đã đổi sang bà Danh Q Xa Na. Dựa trên văn bản thỏa thuận về việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh được ông T và bà N ký ngày 09/4/2020 tại văn phòng C1 thì ông Lê Văn T đồng ý chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của H1 kinh doanh Trường H cho bà N. Do đó, bà N được toàn quyền đòi và thu hồi các khoản nợ, giải quyết các tranh chấp liên quan trước đây của Hộ kinh doanh T1.

Theo thỏa thuận, hộ kinh doanh T1 sẽ bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông N1 và bà P. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông N1 và bà P hoặc người nhà đến lấy hàng tại kho Hộ kinh doanh T1. Khi thu hoạch tôm, ông N1 và bà P phải thanh toán hết tiền hàng cho Hộ kinh doanh T1. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông N1 và bà P vẫn không thanh toán tiền hàng, thì H1 kinh doanh Trường H có quyền cắt hàng và đề nghị ông, bà thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho H1 kinh doanh. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, Hộ kinh doanh T1 đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông N1 và bà P. Sau khi nhận hàng ông N1 và bà P không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà H1 kinh doanh Trường H đã giao. Mặc dù Hộ kinh doanh T1 thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông N1 và bà P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: Đến cuối vụ tôm ông, bà không thanh toán hết tiền hàng cho H1 kinh doanh Trường H.

Vào 18/9/2023, hai bên đã ký bảng đối chiếu công nợ, theo đó bà P đã ký xác nhận còn nợ H1 kinh doanh số tiền nợ gốc là 186.716.000 đồng. Mặc dù Hộ kinh doanh T1 đã nhiều lần yêu cầu ông N1 và bà P trả tiền hàng còn nợ cho H1 kinh doanh Trường H nhưng đến nay ông N1 và bà P vẫn cố tình không thanh toán. Hành vi cố tình không trả nợ của ông, bà đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh T1.

Nay bà Danh Que Xa Na - Chủ Hộ kinh doanh T2 (sau đây gọi tắt là bà N) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết, buộc ông Diệp Hoàng N1 và bà Lâm Thị P trả cho bà N số tiền nợ gốc là 186.716.000 đồng và tiền lãi chậm trả

tính từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho bà N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lâm Thị P trình bày:

Từ năm 2019 đến năm 2022, vợ chồng bà P, ông Diệp Hoàng N1 có ký hợp đồng mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm của Hộ kinh doanh T1 do bà Danh Q Xa Na làm chủ, vợ chồng bà P, ông N1 có thanh toán tiền hàng đến ngày 24/02/2022, vợ chồng bà P, ông N1 không còn khả năng thanh toán. Đến ngày 16/12/2022, vợ chồng bà P, ông N1 có ký bảng đối chiếu công nợ xác nhận còn nợ H1 kinh doanh Trường H số tiền nợ gốc là 186.716.000 đồng do chồng bà P là ông Diệp Văn N2 ký xác nhận nợ. Đến ngày 18/9/2023, đại diện Hộ kinh doanh T1 có cho bà P ký bảng đối chiếu công nợ xác nhận còn nợ H1 kinh doanh Trường H số tiền nợ gốc là 186.716.000 đồng. Nay vợ chồng bà P, ông N2 đồng ý trả nợ cho H1 kinh doanh Trường H số tiền 186.716.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi năm trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nếu vợ chồng bà P, ông N2 có tiền nhiều hơn thì sẽ trả nhiều hơn. Vợ chồng bà Lâm Thị P và ông Diệp Hoàng N1 đang cư trú tại địa chỉ ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Diệp Hoàng N1 trình bày:

Theo lời trình bày của vợ ông là bà Lâm Thị P là đúng. Tính đến ngày 18/9/2023, vợ chồng ông N1, bà P còn nợ H1 kinh doanh Trường H số tiền nợ gốc là 186.716.000 đồng. Nay vợ chồng ông N1, bà P đồng ý trả nợ cho H1 kinh doanh Trường H số tiền 186.716.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi năm trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nếu vợ chồng ông N1, bà P có tiền nhiều hơn thì sẽ trả nhiều hơn.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn bà Lâm Thị P, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Diệp Hoàng N1 tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm là 186.716.000 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn Diệp Hoàng N1 là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ

số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị đơn [Diệp Hoàng N1](#); riêng bị đơn [Lâm Thị P](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi bà [Danh Q](#) Xa Na – Chủ Hộ kinh doanh [Trường H](#) nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông [Diệp Hoàng N1](#) và bà [Lâm Thị P](#), cùng cư trú tại [ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#). Bà [N](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông [N1](#), bà [P](#) phải trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm còn nợ. Bà [N](#) đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho bà [N](#) nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà [N](#) đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của bà [N](#) là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà [Danh Que Xa N](#) – Chủ hộ kinh doanh [Trường H](#).

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ là 186.716.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông [Diệp Hoàng N1](#) và bà [Lâm Thị P](#) đã thừa nhận tính đến ngày 18/9/2023, ông, bà còn nợ bà [N](#) số tiền 186.716.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận ông [Diệp Hoàng N1](#) và bà [Lâm Thị P](#) còn nợ bà [N](#) số tiền mua thức ăn

và thuốc thủy sản nuôi tôm tổng cộng 186.716.000 đồng là sự thật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông N1 và bà P xin trả nợ dần cho nguyên đơn mỗi năm 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo đề nghị của ông N1, bà P và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N1, bà P.

[5] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Thỏa thuận theo hợp đồng, thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán khi thu hoạch tôm”. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong bên mua là ông N1, bà P không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là bà N. Do đó, bà N yêu cầu các bị đơn ông N1, bà P phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ 186.716.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với số tiền 186.716.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Diệp Hoàng N1 và bà Lâm Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.335.800 đồng (ông Diệp Hoàng N1 phải chịu 4.667.900 đồng, bà Lâm Thị P phải chịu 4.667.900 đồng). Bị đơn ông Diệp Hoàng N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Diệp Hoàng N1 được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 4.667.900 đồng.

[9] Nguyên đơn bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 430; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường Hải đối với các bị đơn ông Diệp Hoàng N1 và bà Lâm Thị P.

2. Xử buộc các bị đơn ông Diệp Hoàng N1 và bà Lâm Thị P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm còn nợ với số tiền tổng cộng là 186.716.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng các bị đơn ông Diệp Hoàng N1 và bà Lâm Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Diệp Hoàng N1 và bà Lâm Thị P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.335.800 đồng (ông Diệp Hoàng N1 phải nộp 4.667.900 đồng, bà Lâm Thị P phải nộp 4.667.900 đồng). Bị đơn ông Diệp Hoàng N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên bị đơn ông Diệp Hoàng N1 được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 4.667.900 đồng.

3.2. Nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H số tiền tạm tạm ứng án phí sơ thẩm 4.667.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0006921 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn, các bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn